

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tháng 01 năm 2025



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4,843,821,336,185	3,756,411,201,449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	258,225,643,573	199,243,849,337
1. Tiền	111		258,225,643,573	179,243,849,337
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,544,408,470,667	1,306,731,045,131
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,545,402,807,169	1,309,402,807,169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(994,336,502)	(2,671,762,038)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		630,724,719,686	1,334,943,366,501
1. Phải thu khách hàng	131		539,679,699,361	1,295,576,733,107
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	499,080,866,740	453,206,453,346
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	40,598,832,621	842,370,279,761
2. Trả trước cho người bán	132		51,065,324,284	9,440,283,712
3. Các khoản phải thu khác	135	9	81,634,609,812	70,077,732,769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(41,654,913,771)	(40,151,383,087)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		119,725,785,012	75,864,329,209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	106,835,914,589	70,485,299,176
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		87,328,824,876	66,244,877,664
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		19,507,089,713	4,240,421,512
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,889,870,423	5,379,030,033
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	1,290,736,717,247	839,628,611,271
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		511,193,292,062	586,135,587,024
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		779,543,425,185	253,493,024,247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		271,256,411,436	251,151,046,082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15,591,716,363	13,553,732,910
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	15,591,716,363	13,553,732,910
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		8,591,716,363	6,553,732,910
II. Tài sản cố định	220		4,610,507,686	6,143,983,542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2,268,509,978	3,298,204,287
Nguyên giá	222		13,094,832,875	12,835,935,751
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,826,322,897)	(9,537,731,464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2,341,997,708	2,845,779,255
Nguyên giá	228		7,171,964,959	6,354,224,959
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,829,967,251)	(3,508,445,704)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	171,990,000,000	201,990,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		171,990,000,000	201,990,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		79,064,187,387	29,463,329,630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	79,064,187,387	29,463,329,630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5,115,077,747,621	4,007,562,247,531

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacom, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4,007,165,203,964	2,910,630,038,329
I. Nợ ngắn hạn	310		3,976,960,353,373	2,891,491,225,654
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	15	200,000,000,000	-
2. Phải trả cho người bán	312		687,706,025,964	619,701,241,776
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	646,676,868,467	606,186,938,680
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		41,029,157,497	13,514,303,096
3. Người mua trả tiền trước	313		116,974,233,648	89,316,868,367
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	21,289,390,749	18,263,997,164
5. Phải trả người lao động	315		95,506,628,588	74,069,079,461
6. Chi phí phải trả	316		1,269,877,387	832,675,473
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	17,096,524,291	10,917,700,306
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	92,703,862,451	149,033,442,672
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,077,112,158	687,869,895
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	2,743,336,698,137	1,928,668,350,540
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,507,239,388,714	1,343,339,376,493
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		1,121,965,029,880	466,673,061,163
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		114,132,279,543	118,655,912,884
II. Nợ dài hạn	330		30,204,850,591	19,138,812,675
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		30,203,850,591	19,137,812,675
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,107,912,543,657	1,096,932,209,202
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1,107,912,543,657	1,096,932,209,202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		15,908,595,775	15,339,966,939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92,003,947,882	81,592,242,263
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5,115,077,747,621	4,007,562,247,531


Trần Phương Anh
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025


Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng


Nghiêm Xuân Thái
 Tổng Giám đốc


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	799,822,507,806	637,094,368,027	2,356,140,451,956	1,988,359,722,393
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	40,037,662,731	64,790,939,201	148,670,832,721	185,924,940,807
3. Thu nhập khác	13	422,800,397	137,131,103	1,022,802,482	885,973,319
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	703,901,303,571	591,652,537,144	2,175,483,483,450	1,855,165,917,069
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	1,468,873,472	154,963,542	2,634,959,060	312,779,009
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	98,529,098,456	92,138,643,142	310,845,649,320	284,200,139,529
7. Chi phí khác	24	279,481,805	1,914,494,578	1,372,190,576	2,495,779,493
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	36,104,213,630	16,161,799,925	15,497,804,753	32,996,021,419
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,125,228,035	4,870,629,219	4,125,228,035	8,372,608,511
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	31,978,985,595	11,291,170,706	11,372,576,718	24,623,412,908

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đinh Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	21	883,967,807,410	786,606,951,485	2,794,191,068,906	2,504,223,599,387
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		856,638,811,461	877,506,257,468	2,894,894,387,944	2,547,249,762,794
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		23,140,553,089	26,805,747,755	63,196,693,183	57,008,558,054
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(4,188,442,860)	117,705,053,738	163,900,012,221	100,034,721,461
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	22	306,681,349,714	292,303,189,644	1,085,396,710,213	991,024,345,024
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		322,815,821,910	359,154,407,034	1,010,454,415,251	1,152,343,587,986
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		16,134,472,196	66,851,217,390	(74,942,294,962)	161,319,242,962
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		577,286,457,696	494,303,761,841	1,708,794,358,693	1,513,199,254,363
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		222,536,050,110	142,790,606,186	647,346,093,263	475,160,468,030
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		64,621,350,019	60,439,181,650	236,186,954,051	241,089,770,218
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		157,914,700,091	82,351,424,536	411,159,139,212	234,070,697,812
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		799,822,507,806	637,094,368,027	2,356,140,451,956	1,988,359,722,393
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		329,589,990,481	310,970,766,107	1,048,562,042,896	1,107,897,692,063
- Tổng chi bồi thường	11.1		329,589,990,481	310,970,766,107	1,048,562,042,896	1,114,512,948,784
+ Chi bồi thường bảo hiểm gốc			316,695,960,786	295,784,678,392	1,017,530,493,602	1,085,700,372,908
+ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm			12,894,029,695	15,186,087,715	31,031,549,294	28,812,575,876
- Các khoản giảm trừ (Thu đổi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
+ Thu đổi người thứ ba			-	-	-	(6,620,256,721)
+ Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%			-	-	-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		103,233,693,608	128,390,304,958	383,926,644,837	431,392,385,051
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		189,281,038,152	(41,908,318,648)	655,291,968,717	(171,617,073,403)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		141,053,715,199	5,982,984,935	526,050,400,938	(61,549,923,405)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	23	274,583,619,826	134,689,157,566	793,876,965,838	566,438,157,014
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,569,635,427	5,451,570,698	(4,523,633,341)	14,519,139,393
Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn			-	-	24,000,000,000	-
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	423,748,048,318	451,511,808,880	1,386,130,150,953	1,274,208,620,662
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		56,383,132,006	39,632,913,955	152,924,187,273	112,005,994,603
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		367,364,916,312	411,878,894,925	1,233,205,963,680	1,162,202,626,059
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		703,901,303,571	591,652,537,144	2,175,483,483,450	1,855,165,917,069
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		95,921,204,235	45,441,830,883	180,656,968,506	133,193,805,324

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	40,037,662,731	64,790,939,201	148,670,832,721	185,924,940,807
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	1,468,873,472	154,963,542	2,634,959,060	312,779,009
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25-23-24)	25		38,568,789,259	64,635,975,659	146,035,873,661	185,612,161,798
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	98,529,098,456	92,138,643,142	310,845,649,320	284,200,139,529
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		35,960,895,038	17,939,163,400	15,847,192,847	34,605,827,593
20. Thu nhập khác	31		422,800,397	137,131,103	1,022,802,482	885,973,319
21. Chi phí khác	32		279,481,805	1,914,494,578	1,372,190,576	2,495,779,493
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		143,318,592	(1,777,363,475)	(349,388,094)	(1,609,806,174)
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36,104,213,630	16,161,799,925	15,497,804,753	32,996,021,419
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,125,228,035	4,870,629,219	4,125,228,035	8,372,608,511
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31,978,985,595	11,291,170,706	11,372,576,718	24,623,412,908


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacom, số 3 Đường Đình Nghiê

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

42

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,038,416,568,127	2,970,452,089,090	3,325,838,967,438	4,955,572,101,696
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(806,134,736,423)	(2,552,616,892,228)	(2,675,565,374,586)	(4,319,600,078,968)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(91,376,412,705)	(316,194,488,261)	(354,166,051,253)	(550,866,813,645)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(418,674,963)	-	(3,125,960,719)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12,351,526,144	367,541,824,367	60,033,830,874	705,658,882,360
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(57,468,825,498)	(153,503,314,820)	(219,668,286,632)	(250,851,150,204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95,369,444,682	315,679,218,148	133,347,125,122	539,912,941,239
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(248,015,943)	(587,475,000)	(323,197,124)	(1,174,950,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,854,545	-	6,454,545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(847,000,000,000)	(2,090,000,000,000)	(3,059,000,000,000)	(3,848,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	649,000,000,000	1,059,000,000,000	1,864,000,000,000	2,018,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	389,075,962,000	801,770,047,960	710,793,799,792
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44,038,663,251	75,499,244,941	118,851,621,249	102,053,146,695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154,203,498,147)	(567,012,268,059)	(274,695,073,370)	(1,018,328,003,513)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
2. Tiền thu từ đi vay	33	205,260,291,666	-	205,260,291,666	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5,260,291,666)	-	(5,260,291,666)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(39,207,124)	(8,624,915)	(72,372,056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	200,000,000,000	(39,207,124)	199,991,375,085	(72,372,056)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	141,165,946,535	(251,372,257,035)	58,643,426,837	(478,487,434,330)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	116,748,893,961	450,501,664,604	199,243,849,337	450,501,664,604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	310,803,077	114,441,768	338,367,399	229,220,200
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	258,225,643,573	199,243,849,337	258,225,643,573	(27,756,549,526)

Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1,770 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1,697 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và năm mươi bảy (58) đơn vị trực thuộc, bao gồm 55 Công ty thành viên và 3 Văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 và Thông tư 67 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{cc} \text{Vốn góp thực} & \text{Vốn chủ sở} \\ \text{tế của các bên} & \text{hữu thực} \\ \text{tại tổ chức} & \text{có} \\ \text{kinh tế} & \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2024
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Tổng Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với cả hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomìn, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	564,283,029	3,762,257,267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	257,402,962,861	174,344,105,264
Tiền đang chuyển	258,397,683	1,137,486,806
Các khoản tương đương tiền (i)	-	20,000,000,000
	258,225,643,573	199,243,849,337

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,545,402,807,169	(994,336,502)	1,309,402,807,169	(2,671,762,038)
a) Chứng khoán kinh doanh	6,402,807,169	(994,336,502)	6,402,807,169	(2,671,762,038)
- Tổng giá trị cổ phiếu	6,402,807,169	(994,336,502)	6,402,807,169	(2,671,762,038)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,539,000,000,000	-	1,303,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2,539,000,000,000	-	1,303,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	171,990,000,000	-	201,990,000,000	-
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	170,000,000,000	-	200,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	170,000,000,000	-	200,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
b) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	-	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	140,561,966,210	169,217,801,331
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	130,113,480,542	153,662,368,221
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	10,448,485,668	15,555,433,110
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	11,913,462,640	20,225,542,976
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	343,786,364,931	260,808,265,508
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1,084,861,984	2,138,023,347
e) Phải thu khác	1,734,210,975	816,820,184
	<u>499,080,866,740</u>	<u>453,206,453,346</u>

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	2,238,933,300	804,008,981,260
Phải thu khác	-	1,399,180
	<u>40,598,832,621</u>	<u>842,370,279,761</u>

(i) Thẻ hiện gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này (Thuyết minh 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	81,634,609,812	70,077,732,769
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	22,000,000	436,831,920
Tạm ứng	12,552,481,156	26,343,944,400
Phải thu ngắn hạn khác	69,060,128,656	43,296,956,449
b) Dài hạn	15,591,716,363	13,553,732,910
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	8,591,716,363	6,553,732,910
	<u>97,226,326,175</u>	<u>83,631,465,679</u>

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Phí bảo hiểm gốc	2,552,073,558		574,314,491		973,244,652		1,003,592,651		5,103,225,352
Phải thu tái bảo hiểm	204,767,802		145,275,901		3,327,848		67,413,353		420,784,904
Nợ khác							353,560,092		353,560,092
Cộng	2,756,841,360		719,590,392		976,572,500		1,424,566,096		5,877,570,348

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	44,237,469,669	41,654,913,771	40,734,523,542	40,151,383,087
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	5,877,570,348	3,295,014,450	2,374,624,221	1,791,483,766

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Đầu năm đến hết	Năm 2023
	Quý 4/2024	
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	66,244,877,664	49,994,885,421
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	85,127,002,219	67,111,572,301
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(64,043,055,007)	(50,861,580,058)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	87,328,824,876	66,244,877,664
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19,507,089,713	4,240,421,512
	106,835,914,589	70,485,299,176

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước	358,250,000	346,950,000
- Trả trước cho hoạt động kinh doanh nhiều kỳ	66,277,710,169	10,864,217,299
- Ấn phẩm, ấn chỉ dùng dần	1,342,478,801	1,138,632,122
- Công cụ lao động có giá trị lớn xuất dùng 1 lần	4,596,069,021	3,206,985,460
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	6,137,072,857	843,250,748
- Các khoản trả trước khác	352,606,539	13,063,294,001
	79,064,187,387	29,463,329,630

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	511,193,292,062	586,135,587,024
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	779,543,425,185	253,493,024,247
	1,290,736,717,247	839,628,611,271

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	7,014,523,976	12,835,935,751
Mua sắm mới	-	323,197,124	323,197,124
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	-	(64,300,000)	(64,300,000)
Giảm khác	-		-
Số dư cuối kỳ	5,821,411,775	7,273,421,100	13,094,832,875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,413,620,713	5,124,110,751	9,537,731,464
Trích khấu hao	370,427,478	991,759,409	1,362,186,887
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	-	(73,595,454)	(73,595,454)
Giảm khác	-		-
Số dư cuối kỳ	4,784,048,191	6,042,274,706	10,826,322,897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,407,791,062	1,890,413,225	3,298,204,287
Tại ngày cuối kỳ	1,037,363,584	1,231,146,394	2,268,509,978

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	6,354,224,959	6,354,224,959
Tăng do mua sắm	817,740,000	817,740,000
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	3,508,445,704	3,508,445,704
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	1,321,521,547	1,321,521,547
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	4,829,967,251	4,829,967,251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2,845,779,255	2,845,779,255
Tại ngày cuối kỳ	2,341,997,708	2,341,997,708

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Vay ngắn hạn	200,000,000,000	0
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	<u>200,000,000,000</u>	<u>-</u>

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	571,841,984,373	513,427,568,011
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	7,908,008,738	6,326,233,029
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	13,301,624,923	26,736,682,658
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	22,131,794,720	11,414,147,461
e) Phải trả khác	31,493,455,713	48,282,307,521
	<u>646,676,868,467</u>	<u>606,186,938,680</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	16,676,332,497	14,236,409,239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,222,239,940	2,222,972,624
Thuế thu nhập cá nhân	1,113,401,690	1,326,377,086
Thuế nhà thầu nước ngoài	6,633,425	71,492,602
Thuế, phí phải nộp khác	270,783,197	406,745,613
	21,289,390,749	18,263,997,164

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	149,033,442,672	133,239,429,733
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	86,477,926,076	146,622,934,532
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(142,807,506,297)	(130,828,921,593)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	92,703,862,451	149,033,442,672
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả bảo hiểm xã hội	289,123,487	10,138,274
Phải trả bảo hiểm y tế	53,597,444	9,332,879
Phải trả kinh phí công đoàn	1,308,507,759	2,075,046,328
Phải trả các cổ đông	3,519,085,419	3,527,895,927
Phải trả khác	11,926,210,182	5,295,286,898
	17,096,524,291	10,917,700,306

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	1,121,965,029,880	779,543,425,185	342,421,604,695
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,063,398,868,093	759,539,155,874	303,859,712,219
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	58,566,161,787	20,004,269,311	38,561,892,476
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,507,239,388,714	511,193,292,062	996,046,096,652
Cộng	2,629,204,418,594	1,290,736,717,247	1,338,467,701,347

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2024		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	466,673,061,163	253,493,024,247	213,180,036,916
Số trích lập trong kỳ	655,291,968,717	526,050,400,938	129,241,567,779
Số dư cuối kỳ	1,121,965,029,880	779,543,425,185	342,421,604,695

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2024		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,343,339,376,493	586,135,587,024	757,203,789,469
Số trích lập trong kỳ	163,900,012,221	(74,942,294,962)	238,842,307,183
Số dư cuối kỳ	1,507,239,388,714	511,193,292,062	996,046,096,652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Năm 2023
Số dư đầu kỳ	118,655,912,884	104,136,773,491
Số trích lập thêm trong kỳ	19,476,366,659	14,519,139,393
Số sử dụng trong kỳ (i)	(24,000,000,000)	-
Số dư cuối kỳ	114,132,279,543	118,655,912,884

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	24,623,412,908	24,623,412,908
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,231,170,645	(1,231,170,645)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(720,334,944)	(720,334,944)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1,000,000,000,000	15,339,966,939	81,592,242,263	1,096,932,209,202
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,000,000,000,000	15,339,966,939	81,592,242,263	1,096,932,209,202
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	11,372,576,718	11,372,576,718
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	568,628,836	(568,628,836)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(392,242,263)	(392,242,263)
Số dư tại ngày 30/09/2024	1,000,000,000,000	15,908,595,775	92,003,947,882	1,107,912,543,657

(*) Tổng công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	2,897,995,523,599	2,548,758,693,717
Bảo hiểm hàng không	63,130,275	(276,346,548)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	547,950,612,731	417,566,783,287
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	87,903,462,179	82,789,283,522
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	100,802,495,999	71,188,790,389
Bảo hiểm xe cơ giới	1,806,215,113,662	1,708,910,733,326
Bảo hiểm cháy nổ	242,205,936,034	187,124,556,735
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	82,856,776,571	61,427,951,849
Bảo hiểm trách nhiệm chung	23,808,652,173	17,913,983,717
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	6,189,343,975	2,112,957,440
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(3,101,135,655)	(1,508,930,923)
Phí nhận tái bảo hiểm	63,330,772,677	57,060,246,219
Bảo hiểm hàng không	165,582,543	273,216,202
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	13,192,803,596	8,663,440,994
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	29,718,326,330	24,523,875,241
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	72,681,195	802,790,270
Bảo hiểm xe cơ giới	4,020,812,050	11,881,953,961
Bảo hiểm cháy nổ	13,921,472,749	10,181,924,628
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	727,821,628	53,256,544
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,120,563,874	559,728,812
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	390,708,712	120,059,567
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(134,079,494)	(51,688,165)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(163,900,012,221)	(100,034,721,461)
	2,794,191,068,906	2,504,223,599,387

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,010,454,415,251	1,152,343,587,986
Bảo hiểm hàng không	(56,163,344)	(270,601,776)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	321,171,660,529	224,029,849,506
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	45,672,040,447	63,737,087,968
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	19,570,100,852	28,353,973,935
Bảo hiểm xe cơ giới	373,938,065,353	646,814,958,662
Bảo hiểm cháy nổ	179,006,941,615	137,490,486,165
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	59,439,091,540	46,370,510,575
Bảo hiểm trách nhiệm chung	6,047,233,977	3,996,985,864
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	5,665,444,282	1,820,337,087
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	74,942,294,962	(161,319,242,962)
	1,085,396,710,213	991,024,345,024

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	1,048,562,042,896	1,114,517,948,784
Bảo hiểm hàng không	70,281,730	762,455,239
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	131,836,638,677	75,254,501,124
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	21,270,122,068	28,944,574,436
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12,649,162,692	27,945,421,367
Bảo hiểm xe cơ giới	825,448,582,908	926,672,316,085
Bảo hiểm cháy nổ	25,787,317,790	25,774,121,539
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	30,238,389,272	22,477,753,676
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,236,294,039	6,565,846,234
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	25,253,720	120,959,084
Thu giảm chi		(6,620,256,721)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(383,926,644,837)	(431,392,385,051)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	655,291,968,717	(171,617,073,403)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(526,050,400,938)	61,549,923,405
	793,876,965,838	566,438,157,014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	152,924,187,273	112,005,994,603
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	33,556,773	87,786,931
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1,343,158,595	1,024,289,008
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	5,913,692,974	1,609,555,957
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	874,821,866,665	903,709,834,112
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	344,261,009,772	250,322,915,404
Chi khác	6,832,678,901	5,448,244,647
	1,386,130,150,953	1,274,208,620,662

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	147,931,055,552	87,833,011,859
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	72,885,073,375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90,780,000	2,572,033,100
Lãi chênh lệch tỷ giá	648,997,018	3,515,370,327
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151	19,119,452,146
	148,670,832,721	185,924,940,807

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(1,677,425,536)	(498,996,979)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2,321,686	185,495,733
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,945,101,189	619,660,773
Chi phí hoạt động tài chính khác	2,364,961,721	6,619,482
	2,634,959,060	312,779,009

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	215,885,199,553	196,945,995,113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75,864,585,261	70,138,530,529
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,503,530,684	365,435,929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,674,412,980	3,097,975,160
Chi phí dụng cụ văn phòng	5,051,075,587	4,576,152,509
Chi phí vật liệu quản lý	4,216,834,436	4,290,129,527
Thuế, phí và lệ phí	2,283,444,082	1,389,789,077
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	1,485,752,873	633,312,109
Chi phí quản lý khác	1,880,813,864	2,762,819,576
	310,845,649,320	284,200,139,529

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2024	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2023
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	15,497,804,753	32,996,021,419
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(429,147,399)	(2,686,811,532)
Trừ: Các khoản chi phí không được trừ của các năm trước	(4,866,553,265)	(14,596,459,009)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2,607,832,601	1,168,649,463
Thu nhập chịu thuế	12,809,936,690	16,881,400,341
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2,561,987,338	3,376,280,068
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào CP thuế TNDN của năm hiện hành	1,563,240,697	4,996,328,443
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,125,228,035	8,372,608,511

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt vào ngày 20 tháng 01 năm 2025



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

